

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST

Ngày 30-8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vi Văn Thuận

2. Ông Gia Văn Tính

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:**  
Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lâu Văn L** - Sinh ngày 01/01/2004. Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Khảm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lâu Cá D, đã chết; Con bà: Sùng Thị S, sinh năm 1970.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 chuyển tạm giam ngày 21/7/2022, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Văn K – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Đây là vụ án điểm trong năm 2022

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại km 71+ 200, thuộc bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, khi Tổ công tác Đoàn biên phòng Pù

Nhi đang phối hợp với Công an xã Nhi Sơn thực hiện nhiệm vụ tuần tra thì phát hiện một người đàn ông đang đi bộ có biểu hiện phạm tội về ma túy, nên tổ công tác ra tín hiệu dừng lại kiểm tra, người đàn ông này khai tên Lâu Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2004, có căn cước công dân, trú tại bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tiếp tục kiểm tra thì tổ công tác phát hiện trong túi áo khoác bên trái phía trong L đang mặc có 01 (một) gói nilon màu trắng, bên trong chứa các cục vụn màu trắng ngà và 140.000đ (Một trăm bốn mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động màu đen, bàn phím bấm ở túi quần bên phải. L khai các cục vụn, màu trắng này là ma túy, loại Heroine, mua về để nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Số tiền 140.000đ là tiền L mang đi chuẩn bị mua thuốc ho cho mẹ.

Nguồn gốc số ma túy trên là do Lâu Văn L mua được của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở khu vực trên đồi thuộc bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát với số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) vào buổi sáng cùng ngày. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang và đưa về Đoàn biên phòng Trung Lý tiếp tục làm việc.

Tại bản kết luận giám định số: 2437/KL-KTHS, ngày 16 tháng 7 năm 2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì nệm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 3,733g (Ba phẩy bảy ba ba gam), loại: Heroine.

Quá trình điều tra Lâu Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Cáo trạng số 45/CT-VKS-ML ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lâu Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Lâu Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lâu Văn L từ **40 – 46** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo, còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, 01 Căn cước công dân tên Lâu Văn L và 01 áo khoác màu đen trả lại cho bị cáo; Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền 140.000đ cho bị cáo Lâu Văn L.

Miễn án phí HSST cho bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy và bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do bản thân háms lợi, không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng, cũng như đề nghị của của Kiểm sát viên về mức hình phạt. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đồng thời, bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, hạn chế về nhận thức pháp luật. Đề nghị HĐXX, xem xét xử bị cáo một mức án thấp nhất có thể, mà vẫn có tính răn đe, phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo;

Bị cáo nhận tội, đồng tình với người bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, không khai báo thêm tình tiết mới.

**Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại gì. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu triệu tập người chứng kiến đến phiên tòa, vì đã có đầy đủ lời khai. Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử vụ án.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Lâu Văn L đã đi mua ma túy với một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở khu vực trên đồi, thuộc bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát với số tiền 900.000Đ (Chín trăm nghìn đồng), mục đích mang về để bán lại cho các con nghiện để kiếm lời bất chính.

Hành vi của Lâu Văn L là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, làm phức tạp và gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà Nước, là vi phạm pháp luật hình sự.

Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua ma túy về để bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, cũng đủ nhận thức được ma túy có nhiều tác hại đối sức khỏe người sử dụng và là mối hiểm họa cho toàn xã hội, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật lại hạn chế nên đã cố ý mua ma túy về để bán lẻ nhằm kiếm lời để phục vụ mục đích cá nhân, bất chấp pháp luật. Sau khi xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chất ma túy, khối lượng ma túy, được quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội; HĐXX, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp với khối lượng ma túy, tính chất vụ án. Nên HĐXX sẽ áp dụng một hình phạt cao hơn mới đủ sức răn đe, phòng ngừa.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 251 BLHS. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thuộc diện hộ nghèo, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án: Đối với chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, 01 Căn cước công dân tên Lâu Văn L, 01 áo khoác màu đen, không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Lâu Văn L là phù hợp.

Đối với số tiền 140.000đ (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) sau khi điều tra đã xác định đây không phải là tiền do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lâu Văn L, HĐXX chấp nhận.

[6] Án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, nên HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Lâu, Lâu khai không biết tên, địa chỉ, chỉ mới gặp lần đầu và đoán là người Lào, ngoài ra không biết thông tin gì thêm, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ căn cứ để xác minh và xử lý.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lâu Văn L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lâu Văn L 04** (Bốn) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/7/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, sau giám định, mặt trước ghi vụ Lâu Văn Lâu, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Trương Văn Dũng và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai.

Trả lại cho bị cáo Lâu Văn L, gồm: 01 căn cước công dân, mang tên Lâu Văn Lâu; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng và 01 áo khoác màu đen, đã qua sử dụng.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng số 50/NK-2022 ngày 15/8/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Án phí: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên miễn tiền án phí HSST cho bị cáo.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Bị cáo Lâu Văn L;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**

